



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 2

Viết số thành tổng · So sánh số có ba chữ số · sách Kết nối tri thức



Tuần 28

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị

$458 = \square + \square + \square$

$288 = \square + \square + \square$

$763 = \square + \square + \square$

$711 = \square + \square + \square$

$222 = \square + \square + \square$

$437 = \square + \square + \square$



Bài 2: Điền dấu >, <, =

$462 \square 461$

$434 \square 433$

$679 \square 779$

$670 \square 680$

$449 \square 449$

$243 \square 234$

$184 \square 184$

$767 \square 867$

$308 \square 208$



Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số lớn nhất trong các số dưới đây là:

(A) 709

(B) 338

(C) 517

(D) 224

2. Số bé nhất trong các số dưới đây là:

(A) 935

(B) 589

(C) 199

(D) 366



Bài 4: Nối cách đọc với số

1. Ba trăm linh năm



a. 530

2. Ba trăm năm mươi



b. 503

3. Năm trăm ba mươi



c. 350

4. Năm trăm linh ba



d. 305



ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 28

Bài 1: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị

$$458 = 400 + 50 + 8 \quad 288 = 200 + 80 + 8 \quad 763 = 700 + 60 + 3 \quad 711 = 700 + 10 + 1$$
$$222 = 200 + 20 + 2 \quad 437 = 400 + 30 + 7$$

Bài 2: Điền dấu >, <, =

$$462 > 461 \quad 434 > 433 \quad 679 < 779 \quad 670 < 680 \quad 449 = 449 \quad 243 > 234 \quad 184 = 184$$
$$767 < 867 \quad 308 > 208$$

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. A (709) 2. C (199)

Bài 4: Nối cách đọc với số

1 – d 2 – c 3 – a 4 – b

onhi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5

onhi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án